

Số: 20/NQ-HĐND

Trà Cú, ngày 15 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn  
05 năm, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Cú**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ  
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn  
nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày  
07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về điều chỉnh kế  
hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2022; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND  
ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về thông qua  
dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và  
điều chỉnh dự toán chi năm 2022;

Trên cơ sở Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú về việc phê duyệt phương án đầu tư thực hiện  
đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Trà Cú;

Xét Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân huyện về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công  
trung hạn 05 năm, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Cú; Báo cáo  
thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng  
nhân dân huyện tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05  
năm, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Cú, với những nội dung cụ  
thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025: 182.212 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 16.840 triệu đồng.
- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 120.372 triệu đồng.
- Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ai Len: 3.000 triệu đồng.
- Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất, kể cả công trình xã hội hóa (60%): 12.000 triệu đồng.
- Vốn chi từ nguồn Xổ số kiến thiết (đầu tư đáp ứng tiêu chí huyện nông thôn mới): 30.000 triệu đồng.

*(Kèm theo phụ lục chi tiết)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai tổ chức thực hiện; Ban Kinh tế - Xã hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa XII giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú khóa XII - Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022./.

*Nơi nhận:*

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HU, UBND, UBMTTQ huyện;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- ĐB HĐND huyện khóa XII;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- Kho bạc Nhà nước Trà Cú;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH** 

**Dương Văn Triệu**

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ CÚ**

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú)

Đơn: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>					166.815	166.815	-	137.212	
	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>					166.815	166.815	-	137.212	
<b>A</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>					17.155	17.155	-	16.840	
<b>I</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý: thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&amp;MN)</b>					6.900	6.900	-	6.181	
1	Đường dân từ công ty phân bón HUDAVIL - nhà bà Thạch Thị Buöne. xã Ngãi Xuyên	xã Ngãi Xuyên	Đường dân dài 1.400m: mặt đường 3m	2022-2024		3.200	3.200		3.000	
2	Đường GTNT kênh 135 - ấp Sóc Tro Dưới, xã An Quảng Hữu	xã An Quảng Hữu	Đường dân dài 2.500m: mặt đường 2,5m	2022-2024		3.700	3.700		3.181	
<b>II</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)</b>					10.255	10.255		10.659	
1	Đường nhựa từ Hương lộ 12 - Đường dân Nhuệ Tứ B (trong kênh bê tông)	xã Hàm Giang	Đường nhựa dài 948,418m: mặt đường 3,5m; Đường dân dài 172,394m; mặt đường 2.5m	2022-2024		2.100	2.100		2.000	
2	Đường Đan I (từ nhà Nguyễn Văn Giáp - Kim Tấn) giai đoạn 2. xã Ngãi Xuyên	xã Ngãi Xuyên	Đường nhựa dài 850m: mặt đường 3,5m	2022-2024		2.150	2.150		2.000	
3	Đường nội đồng Trà Cú C2 (đoạn 1). xã Kim Sơn	xã Kim Sơn	Đường dân dài 240m: mặt đường 2,5m	2022-2023		430	430		400	
4	Đường dân kinh 68. ấp Sóc Tro Dưới, xã An Quảng Hữu	xã An Quảng Hữu	Đường dân dài 159m: mặt đường 2.5m	2022-2023		450	450		400	
5	Đường ngõ xóm từ Hương lộ 18 đến Kênh I	xã Tân Hiệp	Đường dân dài 340m: mặt đường 2m	2022-2023		500	500		400	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
6	Đường liên xã Phước Hưng (ấp Bến Chùa, xã Phước Hưng- ấp Vàm Buôn, xã Ngãi Xuyên)	xã Phước Hưng	Đường nhựa dài 1.300m: mặt đường 3,5m	2022-2024		2.148	2.148		1.868	
7	Đường liên xã Ngọc Biên (Đường huyện 12 - Cầu Trung ương Đoàn, huyện Duyên Hải)	xã Ngọc Biên	Đường nhựa dài 1.500m: mặt đường 3,5m	2022-2024		2.477	2.477		2.154	
8	Đường liên xã Tân Hiệp (cấp kênh 3/2, xã Tân Hiệp - xã Long Hiệp)	xã Tân Hiệp	Đường nhựa dài 1.300m: mặt đường 3,5m	2022-2024		1.653	1.653		1.437	
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>					<b>149.660</b>	<b>149.660</b>	-	<b>120.372</b>	
<b>I</b>	<b>Tiêu chí huyện</b>					<b>55.760</b>	<b>55.760</b>	-	<b>49.558</b>	
1	Hoa văn trang trí Nhà sinh hoạt văn hóa đồng bào dân tộc Khmer xã Phước Hưng, Tân Sơn, Đại An	xã Phước Hưng, Tân Sơn, Đại An	Sân đường: Hoa văn trang trí	2022-2024		1.500	1.500		858	
2	Cầu Tà Nị, thị trấn Định An	thị trấn Định An	Cầu BTCT dài 86m; mặt cầu 3,5m	2022-2024		4.700	4.700		4.400	
3	Đường đan từ hộ ông Lê Văn Mít (đường đan kênh Ô Rung) đến hộ ông Nguyễn Văn Út	xã Phước Hưng	Đường đan dài 700m, mặt đường 2,5m	2022-2024		1.700	1.700		1.600	
4	Đường ngõ xóm (từ kênh 3 Thành đến kênh 5)	xã Tân Hiệp	Đường đan dài 400m: mặt đường 2,5m	2022-2024		500	500		400	
5	Đường đan từ nhà ông Tư A đến giáp đường xóm rẫy ấp Đầu Giồng A, xã Phước Hưng	xã Phước Hưng	Đường đan dài 300m, mặt đường 2,5m	2022-2024		710	710		700	
6	Nâng cấp đường nhựa khóm 5 (cấp rập hát), thị trấn Trà Cú	thị trấn Trà Cú	Đường nhựa dài 380m, mặt đường 4m; HTTN 760m	2022-2024		2.700	2.700		2.500	
7	Đường D13, khóm 2, thị trấn Trà Cú	thị trấn Trà Cú	Đường nhựa dài 850m: mặt đường 7,0m; HTTN 1700m; vỉa hè 6.120m <sup>2</sup>	2023-2025		17.000	17.000		14.700	
8	Đường nhựa Quốc lộ 54 từ ấp Bến Chùa đến Trà Mềm ấp Ô Rung, xã Phước Hưng (đoạn 2)	xã Phước Hưng	Đường nhựa dài 2.500m, mặt đường 3,5m	2023-2025		9.500	9.500		8.500	
9	Đường nhựa Trà Mềm Bờ Bắc (cầu Ba Nhung đến ranh xã Ngãi Hùng)	xã Tập Sơn	Đường đan dài 550m: mặt đường 2,5m	2023-2025		1.400	1.400		1.200	
10	Đường đan Trà Mềm Bờ Bắc (cầu Nguyễn Văn Na đến ranh Phước Hưng)	xã Tập Sơn	Đường nhựa dài 1.700m, mặt đường 2,5m	2023-2025		4.000	4.000		3.700	
11	Đường nhựa Đầu Giồng - Ô Rung, xã Phước Hưng (đoạn còn lại)	xã Phước Hưng	Đường nhựa dài 2.000m, đường đan 1.000m: mặt đường nhựa 3,5m, mặt đường đan 2,5m	2023-2025		5.900	5.900		5.600	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
12	Đường đan áp Chợ Dưới từ Quốc lộ 53 đến kênh 1 (dòng sau), xã Phước Hưng	xã Phước Hưng	Đường đan dài 800m; mặt đường 2,5m	2023-2025	1.950	1.950	1.950	1.800		
13	Đường đan từ Quốc lộ 53 (Bờ nam) đến cầu áp Ó, xã Tập Sơn	xã Tập Sơn	Đường đan dài 1300m; mặt đường 2,5m	2023-2025	2.900	2.900	2.900	2.500		
14	Đường GTNT áp Ba Cùm (từ cầu Chùa Ba Cùm đến kênh cấp III), xã Ngọc Biên	xã Ngọc Biên	Đường nhựa dài 450m; mặt đường 3,5m	2023-2025	1.300	1.300	1.300	1.100		
<b>II Tiêu chí các xã</b>										
<b>1 Xã Tân Sơn</b>										
1	Đường GTNT áp Chợ, xã Tân Sơn	xã Tân Sơn	Đường nhựa dài 350m; rộng 3,5m	2022-2024	1.400	1.400	1.400	1.250		
2	Đường GTNT nội đồng Đôn Chùm kênh N6, xã Tân Sơn	xã Tân Sơn	Đường nhựa dài 2.500m; rộng 3,5m	2022-2024	7.000	7.000	7.000	2.216		
<b>2 Xã Phước Hưng</b>										
1	Đường đan từ cầu kênh 2, áp Dầu Giồng A đến giáp huyện Châu Thành	xã Phước Hưng	Đường đan dài 700m; mặt đường 2,5m	2023-2025	1.700	1.700	1.700	1.600		
2	Đường nhựa Quốc lộ 54 từ áp Bến Chùa đến Trà Mềm áp Ó Rung, xã Phước Hưng (đoạn đầu)	xã Phước Hưng	Đường nhựa dài 550m; mặt đường 3,5m	2023-2025	2.050	2.050	2.050	1.866		
<b>3 Xã Tập Sơn</b>										
1	Đường nhựa QL.53 - Cống Tập Sơn (Chợ) đến cầu Tập Sơn	xã Tập Sơn	Đường nhựa dài 1.000m; mặt đường 3,5m	2023-2025	3.650	3.650	3.650	3.466		
<b>4 Xã An Quảng Hữu</b>										
1	Cầu Đình Ngã Ba, xã An Quảng Hữu	xã An Quảng Hữu	Cầu dài 25m, rộng 4m	2023-2025	2.500	2.500	2.500	2.300		
2	Đường đan Chòm Vong đoạn còn lại, áp Vàm	xã An Quảng Hữu	Đường đan dài 1.200m; mặt đường 2,5m	2023-2025	1.800	1.800	1.800	1.166		
<b>5 Xã Lưu Nghiệp Anh</b>										
1	Đường nhựa cấp kênh Ngọc Biên (áp Lưu Cừ II), xã Lưu Nghiệp Anh	xã Lưu Nghiệp Anh	Đường nhựa dài 600m; mặt đường 3,5m	2023-2025	2.250	2.250	2.250	2.100		
2	Nâng cấp đường đan áp Long Thuận, xã Lưu Nghiệp Anh	xã Lưu Nghiệp Anh	Nâng cấp tuyến đường chiều dài 1.000m; mặt đường 2,5m	2023-2025	2.350	2.350	2.350	1.366		
<b>6 Xã Ngãi Xuyên</b>										
1	Đường giao thông nông thôn Cầu Hanh - Giồng Tranh (đoạn còn lại)	xã Ngãi Xuyên	Đường nhựa dài 600m; mặt đường rộng 3,5m	2022-2024	2.250	2.250	2.250	2.100		
2	Đường giao thông nông thôn Tài Văn Khai - Trần Thị Sói, áp Xa Xi, xã Ngãi Xuyên	xã Ngãi Xuyên	Đường nhựa dài 1.200m; mặt đường rộng 2,5m	2022-2024	2.250	2.250	2.250	2.100		
					<b>93.900</b>	<b>93.900</b>	<b>93.900</b>	<b>70.814</b>		
					<b>8.400</b>	<b>8.400</b>	<b>8.400</b>	<b>3.466</b>		
					<b>4.300</b>	<b>4.300</b>	<b>4.300</b>	<b>3.466</b>		
					<b>12.250</b>	<b>12.250</b>	<b>12.250</b>	<b>11.387</b>		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
3	Đường đan Lê Văn Kiệt - Kim Tấn	xã Ngãi Xuyên	Đường đan dài 800m: mặt đường 2.5m	2022-2024		1.950	1.950	1.830		
4	Đường đan Huỳnh Minh Trọng - Lý Văn Thành	xã Ngãi Xuyên	Đường đan dài 400m: mặt đường 2.5m	2022-2024		1.000	1.000	970		
5	Đường đan Trần Khanh - Kênh N9- Trần Mười	xã Ngãi Xuyên	Đường đan dài 1.000m: mặt đường 2.5m	2023-2025		2.400	2.400	2.220		
6	Đường nhựa Thạch Tuấn - Quốc lộ 53, xã Ngãi Xuyên	xã Ngãi Xuyên	Đường đan dài 1.000m: mặt đường 3.5m	2023-2025		2.400	2.400	2.167		
7	<b>Xã Kim Sơn</b>					<b>14.700</b>	<b>14.700</b>	<b>-</b>	<b>13.378</b>	
1	Đường ra đồng Trà Cú B, Giồng Xoài - Tổng Long (Phía Đông)	xã Kim Sơn	Đường nhựa dài 350m. mặt đường 3,5m: đường đan 1.600m: mặt đường 2.5m	2022-2024		4.900	4.900	4.600		
2	Đường đan ra đồng Bảy Xào Dơi A2 (Kim Sène - ra đồng)	xã Kim Sơn	Đường đan dài 1.300m: mặt đường 2.5m	2022-2024		4.600	4.600	4.050		
3	Đường trục chính nội đồng Trà Cú A GiĐ II - Xa Xi, xã Kim Sơn (đoạn còn lại)	xã Kim Sơn	Đường đan dài 450m: mặt đường 2,5m	2022-2024		900	900	830		
4	Hệ thống điện phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Kim Sơn	xã Kim Sơn	01 Trạm biến áp dung lượng 125kVA: trung thế 0,5km: hạ thế độc lập 1,6km	2022-2024		1.150	1.150	998		
5	Đường nhựa ấp Thanh Xuyên - Kosla (đoạn cuối), xã Kim Sơn	xã Kim Sơn	Đường nhựa dài 750m: mặt đường 3,5m	2023-2025		1.900	1.900	1.750		
6	Đường đan từ nhà Sơn Ni đến nhà Diệp Rênh (đoạn 3)	xã Kim Sơn	Đường đan dài 500m: mặt đường 2,5m	2023-2025		1.250	1.250	1.150		
8	<b>Xã Thanh Sơn</b>					<b>5.300</b>	<b>5.300</b>	<b>3.466</b>		
1	Đường nhựa nối tiếp Kosla, xã Thanh Sơn	xã Thanh Sơn	Đường nhựa dài 700m: mặt đường 3,5m	2023-2025		2.600	2.600	1.666		
2	Đường nhựa ấp Giồng Ông Thìn, xã Thanh Sơn	xã Thanh Sơn	Đường nhựa dài 800m. mặt đường 3,0m	2023-2025		2.700	2.700	1.800		
9	<b>Xã Hàm Tân</b>					<b>5.050</b>	<b>5.050</b>	<b>3.466</b>		
1	Đường nhựa ấp Vàm Ray, xã Hàm Tân	xã Hàm Tân	Đường nhựa dài 400m. mặt nhựa 3,5m.	2023-2025		1.550	1.550	1.400		
2	Đường trục chính nội đồng ấp Vàm Ray A (HL 12 - Cao Văn Bình), xã Hàm Tân	xã Hàm Tân	Đường đan dài 1.500m: mặt đan 2,5m.	2023-2025		3.500	3.500	2.066		
10	<b>Xã Hàm Giang</b>					<b>14.100</b>	<b>14.100</b>	<b>11.387</b>		
2	Đường nhựa từ cầu của ông Lâm Vĩnh Giang đến cầu từ thiện ấp Trà Tro B	xã Hàm Giang	Đường nhựa dài 500m: mặt đường 3,5m	2022-2024		1.850	1.850	1.750		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
3	Đường nhựa từ cầu Cà Tóc (Chợ) - đường đân Nhuệ Tứ A	xã Hàm Giang	Đường nhựa dài 1.000m: mặt đường 3,5m	2022-2024		3.650	3.650		3.400	
4	Đường nhựa từ cầu Nhuệ Tứ B (Cầu Chợ - kênh cấp II Đón Xuân)	xã Hàm Giang	Đường nhựa dài 1.000m. mặt đường 3,5m	2022-2024		3.650	3.650		3.400	
5	Đường nhựa từ Hương lộ 12 - đến cầu kênh Rạch Bần (thay đường đân vào ấp Trà Tro C thành đường nhựa)	xã Hàm Giang	Đường nhựa dài 1.350m. mặt đường 3,5m	2022-2024		4.950	4.950		2.837	
<b>11</b>	<b>Xã Định An</b>					<b>4.400</b>	<b>4.400</b>		<b>3.466</b>	
1	Đường giao thông nông thôn ấp Giồng Lớn B (từ Cầu Giồng Lớn đến ngã đường nhựa)	xã Định An	Đường nhựa dài 1.200m: mặt đường 3,5m	2023-2025		4.400	4.400		3.466	
<b>12</b>	<b>Xã Long Hiệp</b>					<b>7.200</b>	<b>7.200</b>		<b>3.466</b>	
1	Đường nhựa bờ kênh Long Hiệp - Ba Tục (phía Nam. đoạn 1). ấp Chợ. xã Long Hiệp	xã Long Hiệp	Đường nhựa dài 2.000m: mặt đường rộng 3,5m	2023-2025		7.200	7.200		3.466	
<b>13</b>	<b>Xã Tân Hiệp</b>					<b>6.200</b>	<b>6.200</b>		<b>3.466</b>	
1	Đường nhựa phía tây kênh 3/2 (UBND xã Tân Hiệp – Long Hiệp)	xã Tân Hiệp	Đường nhựa dài 1.700 m: mặt đường rộng 3m; 03 cống ngang đường L=10m	2023-2025		6.200	6.200		3.466	

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ CÚ

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>3.300</b>	<b>3.300</b>	-	<b>3.000</b>	
	<b>NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA CHÍNH PHỦ AI LEN</b>					<b>3.300</b>	<b>3.300</b>	-	<b>3.000</b>	-
<b>1</b>	<b>Xã Thanh Sơn</b>					<b>1.100</b>	<b>1.100</b>		<b>1.000</b>	
	Đường nhựa Ba Tục A	xã Thanh Sơn	Đường nhựa dài 530 m; mặt đường 3,5m	2022-2023	Số: 352/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	1.100	1.100		1.000	
<b>2</b>	<b>Xã Ngãi Xuyên</b>					<b>1.100</b>	<b>1.100</b>		<b>1.000</b>	
	Đường nhựa từ nhà máy nước - Thạch Nữ	xã Ngãi Xuyên	Đường nhựa dài 530 m; mặt đường 3,5m	2022-2023	Số: 1462/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	1.100	1.100		1.000	
<b>3</b>	<b>Xã Hàm Giang</b>					<b>1.100</b>	<b>1.100</b>		<b>1.000</b>	
	Đường nhựa Cầu từ thiện (Lâm Vĩnh Giang) Trà Tro A – Cầu từ thiện Trà Tro B	xã Ngãi Xuyên	Đường nhựa dài 500m; mặt đường 3,5m	2022-2023	Số: 3676/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	1.100	1.100		1.000	



Phụ lục III

**ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẠI TỰ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ CÚ**

(kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HDND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú)

Đơn: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>					167.350	167.350	4.800	42.000	
	<b>VỐN NGÂN SÁCH TỈNH</b>					167.350	167.350	4.800	42.000	
A	<b>Vốn Xổ số kiến thiết (Hỗ trợ đầu tư đáp ứng tiêu chí huyện nông thôn mới)</b>					152.500	152.500		30.000	
1	<b>Xã Kim Sơn</b>					17.900	17.900		5.900	
1.1	Đường nhựa liên ấp Trà Cú A (từ HL 36 cấp hàng rào chùa Trà Cú - giáp TT Trà Cú), xã Kim Sơn	xã Kim Sơn	Dan mặt 3m dài 650 m	2022-2024		1.500	1.500		600	
1.2	Đường trục chính nội đồng Trà Cú A GD II - Xã Xi, xã Kim Sơn	xã Kim Sơn	Dan mặt 3m dài 1.000 m	2022-2024		2.400	2.400		1.000	
1.3	Trường Trung học cơ sở Kim Sơn	xã Kim Sơn	Nâng cấp khối 06 phòng học	2022-2024		1.200	1.200		500	
1.4	Trường Tiểu học Kim Sơn	xã Kim Sơn	Xây dựng 12 phòng: Hàng rào - sân đường	2022-2024		10.000	10.000		3.200	
1.5	Nhà văn hóa xã Kim Sơn	xã Kim Sơn	Cải tạo nhà văn hóa xã	2022-2024		2.800	2.800		600	
2	<b>Xã Ngải Xuyên</b>					27.700	27.700		8.300	
2.1	Đường nhựa liên ấp Cầu Hanh - Vàm Bùn, xã Ngải Xuyên (Cầu Xóm Chòi, Kênh Chì Sầu, Vàm Bùn, Sông Xóm Chòi)	xã Ngải Xuyên	Nhựa mặt 3,5m dài 1.000m: 4 cây cầu	2022-2024		17.000	17.000		5.000	
2.2	Đường nhựa liên ấp Cầu Hanh - Giồng Tranh, xã Ngải Xuyên	xã Ngải Xuyên	Nhựa mặt 3,5m dài 1.800m: 1 cây cầu	2022-2024		7.000	7.000		2.000	
2.3	Trường Tiểu học Ngải Xuyên A	xã Ngải Xuyên	Xây dựng 02 phòng bộ môn tin học, GDNT, Hàng rào công	2022-2024		2.300	2.300		800	
2.4	Trường Mẫu giáo Ngải Xuyên	xã Ngải Xuyên	Xây dựng 02 phòng chức năng NB, GDNT	2022-2024		1.400	1.400		500	
3	<b>Xã Hàm Giang</b>					4.600	4.600		1.300	
3.1	Trường Tiểu học Hàm Giang A	xã Hàm Giang	Nâng cấp phòng học 10 phòng học lâu	2022-2024		1.200	1.200		500	
3.2	Trường Mẫu giáo Hàm Giang	xã Hàm Giang	Hàng rào, sân trường	2022-2024		2.000	2.000		500	
3.3	Nhà văn hóa ấp	xã Hàm Giang	Xây dựng mới 2 nhà văn hóa ấp	2022-2024		1.400	1.400		300	
4	<b>Xã Đại An</b>					1.800	1.800		500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	Sân vận động xã	xã Đại An	Hàng rào, sân đường, hệ thống thoát nước	2022-2024		1.800	1.800		500	
<b>5</b>	<b>Xã Tập Sơn</b>					<b>5.100</b>	<b>5.100</b>		<b>2.100</b>	
5.1	Nhà văn hóa xã	xã Tập Sơn	Xây dựng mới nhà văn hóa xã diện tích 300m <sup>2</sup>	2022-2024		3.300	3.300		1.600	
5.2	Sân vận động xã	xã Tập Sơn	Hàng rào, sân đường, hệ thống thoát nước	2022-2024		1.800	1.800		500	
<b>6</b>	<b>Các công trình cấp huyện</b>					<b>95.400</b>	<b>95.400</b>		<b>11.900</b>	
6.1	Đường nhựa khóm 7 (từ đường 3 tháng 2 - đường tránh QL 53), thị trấn Trà Cú	thị trấn Trà Cú	Nhựa mặt 7,0m dài 800m	2022-2024		19.000	19.000		3.000	
6.2	Nâng cấp vỉa hè các tuyến đường, các công đèn hoa nội ô thị trấn Trà Cú	thị trấn Trà Cú	Vĩa hè các tuyến đường, các công đèn hoa	2022-2024		12.000	12.000		2.000	
6.3	Nâng cấp Sân vận động huyện	thị trấn Trà Cú	Nâng cấp sân vận động diện tích 38.000m <sup>2</sup>	2022-2024		8.000	8.000		2.000	
6.4	Nhà thi đấu đa năng	thị trấn Trà Cú	Xây dựng nhà thi đấu: sàn lắp mặt bằng; thiết bị	2022-2024		37.000	37.000		2.700	
6.5	Xây dựng Quang trường	thị trấn Trà Cú	Xây dựng mới diện tích 11.000m <sup>2</sup>	2022-2024		17.000	17.000		2.000	
6.6	Nhà sinh hoạt văn hóa đồng bào dân tộc Khmer xã Phước Hưng, Tân Sơn, Đại An	xã Phước Hưng, Tân Sơn, Đại An	Xây dựng mới 03 nhà văn hóa, diện tích 100m <sup>2</sup> /nhà	2022-2024		2.400	2.400		200	
<b>B</b>	<b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>					<b>14.850</b>	<b>14.850</b>	<b>4.800</b>	<b>12.000</b>	
<b>1</b>	<b>Năm 2021-2022</b>					<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>4.800</b>	<b>4.800</b>	
	Đường nhựa khóm 4-5, cấp hàng rào Trường Tiểu học thị trấn Trà Cú A đến Bến xe, thị trấn Trà Cú	thị trấn Trà Cú	Đường nhựa dài 729.883m: mặt đường 6m	2021-2023	Số: 3744/QĐ-UBND ngày 09/10/2020	6.500	6.500	4.800	4.800	
<b>2</b>	<b>Năm 2023</b>					<b>3.050</b>	<b>3.050</b>	-	<b>2.400</b>	
2.1	Hệ thống thoát nước khóm 3 (Đoạn từ nhà ông Tăng Thành Chi đến nhà bà Nguyễn Thị Bạc)	thị trấn Trà Cú	HTTN dài 200m	2022-2024		1.250	1.250		1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
2.2	Đường nhựa từ tỉnh lộ 911 đến khu chăn nuôi khép kín xã Ngọc Biên	xã Ngọc Biên	Đường nhựa dài 500m; mặt đường 3,5m	2022-2024		1.350	1.350		1.000	
2.3	Đường đan khóm 5; thị trấn Trà Cú (cấp hàng rào Ban Dân vận)	thị trấn Trà Cú	Đường đan dài 240m; mặt đường 2,5m	2022-2024		450	450		400	
<b>3</b>	<b>Năm 2024</b>					<b>2.700</b>	<b>2.700</b>	-	<b>2.400</b>	
	Đường ra đồng Bay Xảo Dơi A1 (từ ông Ông Ngãi); xã Kim Sơn	thị trấn Trà Cú	Đường đan dài 1.300; mặt đường 2,5m	2023-2025		2.700	2.700		2.400	
<b>4</b>	<b>Năm 2025</b>					<b>2.600</b>	<b>2.600</b>	-	<b>2.400</b>	
	Đường ngõ xóm từ Lâm Văn Lem - Huỳnh Thị Hà	xã Ngãi Xuyên	Đường đan dài 1.000m; mặt đường 2,5m	2024-2025		2.600	2600		2400	